

Số: **5375**/BC-UBND

Điện Biên, ngày **20** tháng **11** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên, năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trên cơ sở tình hình, kết quả triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023; UBND tỉnh Điện Biên tổng hợp, báo cáo các nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO

1. Việc xây dựng, ban hành quy định hướng dẫn thực hiện

Cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc hội, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; UBND tỉnh Điện Biên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thành lập, kiện toàn và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia

tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025¹; Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 01 Nghị Quyết quy định cơ chế huy động, sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; ban hành 03 Quyết định thuộc thẩm quyền quy định hướng dẫn triển khai thực hiện 03 Chương trình². Tính đến thời điểm hiện nay, tỉnh Điện Biên đã ban hành 100% hệ thống văn bản quản lý điều hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trước đây 15/7/2023. Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát tham mưu trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, đến nay đã hoàn thiện để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2023.

2. Việc lập kế hoạch, xây dựng báo cáo và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG

- Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của từng chương trình đã được phê duyệt³, Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh đã ban hành kế hoạch, chương trình công tác thực hiện Chương trình để giao mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng chương trình⁴ và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, nhất là nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan thường trực các Chương trình theo dõi, đôn đốc và triển khai từng nhiệm vụ liên quan đến quản lý, điều hành, thực hiện các Chương trình MTQG; tổ chức thành lập các đoàn công tác giám sát liên ngành để kiểm tra tình hình triển khai thực hiện và đôn đốc tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG tại các địa phương trên toàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN

1. Công tác phân bổ kế hoạch vốn

¹ Tại Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 926/QĐ-BCĐ ngày 20/5/2022

² Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành quy chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 Ban hành quy định việc quản lý vận hành công trình quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

³ Kế hoạch số 2000/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2674/KH-UBND ngày 22/08/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 1986/KH-UBND ngày 29/06/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên đến năm 2025.

⁴ Kế hoạch số 627/KH-UBND ngày 02/03/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2023; Kế hoạch số 1120/KH-UBND ngày 31/3/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định 759/QĐ-BCĐ ngày 28/4/2023 ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025.

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023, UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện thị xã, thành phố phối hợp rà soát, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và đạt được kết quả như sau:

Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 2.177.311 triệu đồng⁵ (đạt 99,2% kế hoạch vốn giao), cụ thể như sau:

a) Vốn đầu tư phát triển: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 1.239.991 triệu đồng (đạt 98,6% kế hoạch), trong đó:

- Vốn trong nước: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 1.176.618 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch), cụ thể:

+ Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 108.080 triệu đồng..

+ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 435.974 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 632.564 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: thực hiện phân bổ vốn bổ sung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023, cụ thể:

+ Đã hoàn thành phân bổ chi tiết là 63.373 triệu đồng (đạt 79,28% kế hoạch).

+ Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 16.561 triệu đồng.

b) Vốn sự nghiệp: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 937.320 triệu đồng⁶ (đạt 100% kế hoạch), trong đó:

- Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới phân bổ là 28.897 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững được phân bổ là 284.309 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 624.114 triệu đồng.

2. Tình hình giải ngân

Đến thời điểm 31/10/2023 đã thực hiện giải ngân 846.827 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 48,4% vốn giao) và 213.967 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 18,2% vốn giao), chi tiết như sau:

a) Vốn trong nước:

- Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023:

⁵ Tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 ; Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; Quyết định số 1182 ngày 27/7/2023; Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 14/11/2023.

⁶ Tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 140.972 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 50,6%) và 17.303 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 10,7%).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã giải ngân 102.072 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 63,1%) và 5.500 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 8,4%).

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 46.268 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 66,4%) và 1.211 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 8,6%).

- Kế hoạch vốn năm 2023:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 301.121 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 47,6%) và 111.701 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 17,9%).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã giải ngân 214.011 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 49,1%) và 71.775 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 25,2%).

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 42.385 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 39,2%) và 6.477 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 22,4%).

b) Vốn nước ngoài: Vốn được UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 14/11/2023, đến thời điểm báo cáo chưa thực hiện giải ngân.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SO VỚI KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

1. Kế hoạch giao

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, tại Phụ lục số II kèm theo Quyết định có giao nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh Điện Biên năm 2023 như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm 5%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm 4%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 27,7%; tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao đạt 7,7%.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã hoàn thành giải ngân 571.097 triệu đồng (trên tổng số 196.406 triệu đồng kinh phí giao thực hiện năm 2023 bao gồm cả vốn năm 2022 kéo dài), đạt 33,6%.

- Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang gấp rút triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới năm 2024, với mục tiêu phấn đấu 100% công trình còn lại trong trung hạn được khởi công hết trong năm 2024.

- Dự kiến cuối năm 2023, Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5% (vượt kế hoạch giao).

2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã hoàn thành giải ngân 393.358 triệu đồng (trên tổng số 947.607 triệu đồng kinh phí giao thực hiện năm 2023 bao gồm cả vốn kéo dài năm 2022), đạt 41,5%; đã đạt được một số kết quả nổi bật sau:

- Ước đến hết năm 2023 tổng số hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 36.294 hộ, chiếm tỷ lệ 26,03% (giảm 4,32% tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2022, vượt kế hoạch 0,54 điểm phần trăm và cách mục tiêu đến năm 2025 là 7,13 điểm %). Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo xuống còn 44,41% (giảm 6,24% so với năm 2022 và vượt mục tiêu theo kế hoạch).

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã hoàn thành giải ngân 96.340 triệu đồng (trên tổng số 220.663 triệu đồng kinh phí giao thực hiện năm 2023, bao gồm cả vốn kế hoạch 2022 kéo dài), đạt 43,6%.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có huyện nào hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới theo các mức độ, chưa có đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, chưa có xã nông thôn mới kiểu mẫu, có 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Lay Nura, thị xã Mường Lay), có 21/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới giữ nguyên so với giai đoạn 2016-2020 đạt 65,62% so với mục tiêu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt 26 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn giảm còn 36,57%, có 122 thôn bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu tăng 39 thôn, bản so với giai đoạn 2016-2020 đạt 18,76% so với mục tiêu kế hoạch năm 2025.

- Phấn đấu đến hết năm 2023 có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 22/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 19,1%, 26 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới đạt từ 15-18 tiêu chí đạt 22,6%; số tiêu chí bình quân đạt 14,4 tiêu chí/xã; có thêm 15 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và 20 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, nâng tổng số thôn bản được công nhận thôn, bản nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu là 160 thôn, bản.

3. Đánh giá

- Đối với chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo: Dự kiến đến hết năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống còn 26,03% (giảm 4,32% tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2022 và cách mục tiêu Kế hoạch đến năm 2025 là 7,13 điểm phần trăm), trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo giảm trên 5,5%; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5% (vượt mục tiêu theo kế hoạch). Như vậy, tỉnh thực hiện chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vượt so với kế hoạch được giao.

- Đối với chỉ tiêu về tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới và tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao: Dự kiến đến hết năm 2023 có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 9%; 22/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 19,1%. Như vậy chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao là 7,7%, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 19,1% (không đạt chỉ tiêu giao của Thủ tướng Chính phủ giao là 27,7%, do Chương trình triển khai thực hiện từ trung ương đến địa phương chưa đảm bảo tiến độ, tính đến hết năm 2023 thời gian thực hiện chương trình mới được hơn 1 năm do đó chưa có nhiều tác động đến kết quả triển khai của Chương trình). Ước đến hết năm 2025 đạt 100% kế hoạch.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Tỉnh đã cơ bản cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc Hội, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, đã ban hành 100% hệ thống văn bản quản lý điều hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trước ngày 15/7/2023 và dự kiến sẽ ban hành sửa đổi các văn bản liên quan đến Nghị định số 38/2023/NĐ-CP trong tháng 12 năm 2023.

- Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản để địa phương triển khai lập kế hoạch phân bổ nguồn lực thực hiện.

+ Đối với kế hoạch trung hạn vốn đầu tư đã được giao tổng thể cả giai đoạn 2021-2025 chi tiết cho các dự án thành phần của từng chương trình đảm bảo phân bổ 100% vốn được giao.

+ Đối với kế hoạch vốn hàng năm cơ bản giao đủ theo tiến độ triển khai trong kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025, cơ bản phân bổ hết số vốn được giao, về giải ngân dự kiến đến hết ngày 31/01/2024 sẽ giải ngân toàn bộ 100% số vốn đầu tư được giao năm 2023, riêng vốn sự nghiệp dự kiến giải ngân được 55% số vốn được giao.

- Thông qua việc tổ chức triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia đã góp phần vào việc thúc đẩy hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi tại tỉnh Điện Biên, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện cả về lượng và chất. Môi trường nông thôn đã có nhiều chuyển biến đáng kể.

2. Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân

a) Tồn tại, vướng mắc

- Đối với một số phòng, ban chuyên môn cấp huyện được giao thường trực, chủ trì Chương trình và các cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện: Cán bộ, công chức thuộc các lĩnh vực, chuyên môn khác nhau, khi được giao chủ trì Chương trình, giao vốn thực hiện đều là nhiệm vụ mới, kiêm nhiệm, do đó hạn chế trong việc triển khai dự án được giao, trong tham mưu cho BCĐ Chương trình cấp huyện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã triển khai thực hiện.

- Đối với cấp xã: Phần lớn cán bộ, công chức cấp xã không có chuyên môn về các lĩnh vực liên quan đến Chương trình, đặc biệt là về xây dựng; tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng qua các lớp quản lý dự án gần như không có. Do đó, rất hạn chế trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, việc quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán dự án.

- Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình còn chậm; tỷ lệ giải ngân chưa cao đặc, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp còn rất thấp.

- Công tác kiểm tra, giám sát hiện còn chông chéo, có lúc, có nơi chưa thiết thực do nhiệm vụ kiểm tra, giám sát được thực hiện bởi nhiều cơ quan, đơn vị (khoảng 20 đơn vị); xảy ra tình trạng các đợt kiểm tra, giám sát đan xen trong cả năm; nội dung chông chéo, trùng lặp,...

b) Nguyên nhân

**** Nguyên nhân khách quan***

- Do đặc thù là tỉnh miền núi, biên giới, xa trung tâm chính trị - kinh tế lớn của cả nước, kinh tế của tỉnh có xuất phát điểm thấp, cơ cấu chuyển dịch chậm, kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ; suất đầu tư cao; trình độ dân trí giữa các vùng không đồng đều. Bên cạnh đó, tình hình thời tiết không thuận lợi, hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi những tháng đầu năm đã tác động không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, mở rộng quy mô lao động sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân.

- Do suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến nền kinh tế cả nước và các Doanh nghiệp, Nhà đầu tư đang có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án đầu tư vào nông lâm nghiệp, nên chưa tạo được nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ của địa phương.

- Đời sống nhân dân vùng sâu vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người còn gặp nhiều khó khăn; các hộ nghèo phần lớn là hộ đồng bào dân tộc thiểu số; địa bàn sinh sống rải rác phân tán; giao thông chia cắt, chưa được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội để phục vụ nâng cao đời sống, phát triển sản xuất kinh doanh.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành tỉnh và các địa phương trong việc tuyên truyền, phổ biến chính sách và triển khai thực hiện, tham mưu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình còn hạn chế.

- Một số sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị còn chưa chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện và tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định, cụ thể các nhiệm vụ được Trung ương giao theo thẩm quyền; chất lượng, tiến độ tham mưu ban hành văn bản còn chậm, chưa kịp thời; việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao còn chưa sâu sát, thiếu chủ động, linh hoạt; chưa kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Bộ máy quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG đã được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cơ sở, song cán bộ chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, lực lượng cán bộ, công chức trực tiếp triển khai thực hiện đặc biệt là cấp cơ sở còn thiếu và yếu về năng lực, kinh nghiệm; cá biệt có một số cán bộ, công chức còn tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm chưa quyết liệt, mạnh dạn, sáng tạo, linh hoạt, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Các cấp huyện chưa chú trọng việc chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn chưa ưu tiên bố trí nhân lực trong nhiệm vụ được giao như lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, dự toán và kiện toàn về tổ chức các cấp xã nên cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã chủ yếu là do công chức địa chính xã kiêm nhiệm, việc huy động các nguồn lực để tham gia chương trình còn nhiều khó khăn và hạn chế. Do đó, việc theo dõi, tổng hợp báo cáo còn chưa kịp thời, số liệu, thời gian chưa đảm bảo.

- Một số cấp ủy, chính quyền xã chưa xác định được công tác giảm nghèo là trách nhiệm của mình, còn cho đó là trách nhiệm của cấp tỉnh và cấp huyện. Ban giảm nghèo của xã chưa nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác triển khai thực hiện. Vì vậy, khi xác định các mục tiêu, giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo còn chung chung, chưa cụ thể. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở trình độ còn hạn chế, nên ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo tại địa phương.

- Một bộ phận không nhỏ người nghèo còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nên chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo; một bộ phận cán bộ cấp xã và người dân còn muốn rơi vào diện hộ nghèo để thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc còn chưa được thường xuyên, kịp thời.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Đổi mới công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong thực hiện chủ

trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường khuyến khích các phong trào thi đua, cuộc vận động về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Tập trung hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư để khởi công mới năm 2024 là 100% các dự án, công trình còn lại trong trung hạn của các nguồn vốn của các chương trình theo đúng tiến độ, phân đầu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao trong năm.

3. Huy động các nguồn lực, đầu tư trọng tâm nhằm tối ưu nguồn vốn đầu tư đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; phân đầu thực hiện giải ngân đúng tiến độ, đúng quy định, đảm bảo các chính sách đến người dân và tránh thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Chương trình; kịp thời chỉ đạo xử lý những bất cập, vướng mắc phát sinh và đề xuất với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Chỉ đạo UBND cấp huyện tập trung nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư; chỉ đạo chặt chẽ việc xác định danh mục, nội dung cần đầu tư, hỗ trợ phù hợp với nhu cầu thực tế để phân bổ kế hoạch vốn chi tiết ngay từ đầu năm đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ bình xét từ cơ sở.

6. Các sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung chính sách của các Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xem xét xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo chất lượng công trình, hoàn thành đúng tiến độ và đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023, UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_(LVC). ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô



TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo số: 7/BC-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

5:35

TT	Nội dung dự án, đơn vị thực hiện	Kết quả phân bổ , giao vốn								Kết quả giải ngân (Đến 31/10/2023)						Tỷ lệ giải ngân (% , đến 31/10/2023)						Ghi chú
				Tổng cộng		Năm 2022 (vốn được kéo dài sang năm 2023)		Năm 2023		Tổng số		Năm 2022		Năm 2023		Tổng số		Năm 2022 (vốn được kéo dài sang năm 2023)		Năm 2023		
		Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	Vốn ĐT	Vốn SN	
1	2			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ	1.256.552	937.320	1.749.844	1.178.205	509.853	240.885	1.239.991	937.320	846.827	213.967	289.311	24.013	557.516	189.954	48,4%	18,2%	56,7%	10,0%	45,0%	20,3%	
A	VỐN TRONG NƯỚC	1.176.618	937.320	1.686.471	1.178.205	509.853	240.885	1.176.618	937.320	846.827	213.967	289.311	24.013	557.516	189.954	50%	18%	56,7%	10,0%	47,4%	20,3%	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐBĐTTS&MN	632.563	624.114	910.986	785.420	278.423	161.306	632.563	624.114	442.092	129.004	140.972	17.303	301.121	111.701	49%	16%	50,6%	10,7%	47,6%	17,9%	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	47.247	53.019	47.247	64.766		11.747	47.247	53.019	22.221	7.319		1.368	22.221	5.951	47%	11%		11,6%	47,0%	11,2%	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	22.778		97.687	-	74.909	-	22.778		11.769	-	11.769				12%		15,7%		0,0%		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		215.404	-	295.862		80.458		215.404	-	51.555		7.507		44.048		17%		9,3%		20,4%	
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	359.359	31.938	452.698	36.110	93.339	4.172	359.359	31.938	229.254	12.151	57.862	3.033	171.392	9.118	51%	34%	62,0%	72,7%	47,7%	28,6%	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	173.597	121.553	253.678	150.203	80.081	28.650	173.597	121.553	130.219	24.358	43.020	1.634	87.200	22.724	51%	16%	53,7%	5,7%	50,2%	18,7%	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.000	13.622	1.000	14.881		1.259	1.000	13.622	-	5.227		681		4.546	0%	35%		54,1%		33,4%	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vộc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	8.996	12.374	27.514	12.470	18.518	96	8.996	12.374	24.425	7.141	18.519		5.906	7.141	89%	57%	100,0%	0,0%	65,7%	57,7%	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		30.199	-	41.415		11.216		30.199	-	7.214			6.417		17%			7,1%		21,2%	
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	19.087	125.449	30.662	146.155	11.575	20.706	19.087	125.449	24.204	6.573	9.803	2.274	14.402	4.299	79%	4%	84,7%	11,0%	75,5%	3,4%	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	500	20.556	500	23.557		3.001	500	20.556	-	7.466		10		7.457	0%	32%		0,3%		36,3%	
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG	435.974	284.309	597.717	349.890	161.743	65.581	435.974	284.309	316.082	77.275	102.072	5.500	214.011	71.775	53%	22%	63,1%	8,4%	49,1%	25,2%	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	415.406	41.336	577.056	41.737	161.650	401	415.406	41.336	301.876	16.535	102.072	184	199.804	16.351	52%	40%	63,1%	45,9%	48,1%	39,6%	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		76.113	-	106.328		30.215		76.113	-	7.002		2.604	4.398		7%		8,6%		5,8%		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		44.656	-	57.478		12.822		44.656	-	8.482		1.247	7.235		15%				16,2%		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	20.568	47.225	20.661	62.628	93	15.403	20.568	47.225	14.206	9.912		470	14.206	9.442	69%	16%			69,1%	20,0%	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo		41.620	-	41.620				41.620	-	27.232			27.232		65%					65,4%	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		20.732	-	24.447		3.715		20.732	-	1.129		54	1.075		5%			1,5%		5,2%	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình		12.627	-	15.652		3.025		12.627	-	6.983		941		6.042	45%			31,1%		47,8%	
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	108.081	28.897	177.768	42.895	69.687	13.998	108.081	28.897	88.652	7.688	46.268	1.211	42.385	6.477	50%	18%	66,4%	8,6%	39,2%	22,4%	
B	VỐN NƯỚC NGOÀI	79.934	-	63.373	-	-	-	63.373	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	79.934		63.373				63.373														